

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VINH THẠNH  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 14- 12- 2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Ánh Đào**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Trần Thị Diễm Châu**- Phó trưởng phòng Tài chính- Kế hoạch.

2. Bà **Trần Thị Nguyệt Quế**- Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ huyện.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Văn Thạch**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Tiến Lễ**- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐXX- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị C**

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện V, TP. C.

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn T**,

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện V, TP. C.

3. Người làm chứng: Bà **Trần Thị H**.

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện V, TP. C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị C trình bày và yêu cầu:*

Bà và ông Trần Văn T do tự quen biết, cùng yêu thương và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào ngày mùng 9/4/2002 (*âm lịch*). Có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn không hạnh phúc đến cuối tháng 6/2022 thì sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân là do ông T có tình cảm với người phụ nữ khác, thường bỏ nhà đi tiệc tùng với bạn bè, không phụ giúp bà chăm lo cho gia đình dẫn đến kinh tế trong cuộc sống luôn gặp khó khăn. Trong thời gian ly thân, cả hai không quan tâm đến nhau, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung là cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 11/11/2003 và cháu Trần Hoàng G, sinh ngày 02/3/2005. Hiện hai cháu đang sống ở cùng bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu G, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu H đã trên 18 tuổi, có đủ khả năng lao động, hiện đã đi làm và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, riêng và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Trần Văn T trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T nhiều lần đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do và không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà C. Nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định chung.*

*Người có quyền, lợi ích được bảo vệ Cháu Trần Hoàng G vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án trình bày như sau:*

Cháu Giang là con chung của ông T và bà C. Cháu G đã nghỉ học để đi làm. Việc ông T và bà C ly hôn cháu G không có ý kiến. Nếu trường hợp ông T và bà C ly hôn thì nguyện vọng của cháu G là được tiếp tục sống với bà C vì thính thoảng cháu G được nghỉ làm thì cháu vẫn về nhà bà C, ngoài ra cháu không có yêu cầu gì đối với ông T.

*Người làm chứng bà Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án trình bày như sau:*

Bà là mẹ ruột của ông Trần Văn T. Hiện ông T vẫn còn sống chung nhà với bà tại địa chỉ ấp V, xã V, huyện V, thành phố C. Theo bà biết thì ông T và bà C đến với nhau do tự quen biết, có thời gian tìm hiểu yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Sau khi cưới ông T ở bên nhà vợ nên mâu thuẫn thế nào bà không được rõ. Ông T và bà C ly thân khoảng cuối tháng 6/2022 thì bà có biết vì bà C có về nói với bà việc vợ, chồng mâu thuẫn. Về con chung ông T và bà C có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 11/11/2003 và cháu Trần Hoàng G, sinh ngày 02/3/2005. Hiện các cháu đều đi làm ở Sài Gòn. Bà đồng ý với yêu cầu của bà C về việc xin nuôi dưỡng cháu G vì trước giờ cháu G đã quen sống bên gia đình bên nhà ngoại. Riêng

cháu H đã trên 18 tuổi, có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, riêng và nợ bà không có ý kiến.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà C được ly hôn với ông T. Về con chung giao cháu Trần Hoàng G, sinh ngày 02/3/2005 cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 11/11/2003 đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, riêng và nợ chung không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **Về thủ tục tố tụng**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà C yêu cầu ly hôn với ông T nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp ly hôn. Bị đơn ông T có nơi cư trú tại ấp V, xã V, huyện V, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Ông T vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do. Nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là có cơ sở.

#### **Về nội dung vụ án**

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông T có đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của bà C, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của đương sự thì cuộc sống hôn nhân của bà và ông T không hạnh phúc. Nguyên nhân chính là do kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nhưng ông T không lo làm ăn mà còn có tình cảm với người phụ nữ khác. Từ đó, dẫn đến vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài, thường xuyên cự cãi nên cả hai đã sống ly thân từ cuối tháng 6/2022 cho đến nay. Từ khi ly thân cả hai không gặp nhau cũng như không ai mong muốn hàn gắn lại tình cảm gia đình. Từ đó, thấy rằng hôn nhân giữa ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà C được ly hôn với ông T theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình là có cơ sở.

[4] Về con chung: Bà C và ông T có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 11/11/2003 và cháu Trần Hoàng G, sinh ngày 02/3/2005. Hiện cháu G đang sống với bà C, khi ly hôn, bà C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu G, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu H đã trưởng thành, có khả năng lao động và đã có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét về vấn đề nuôi con: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải xem xét quyền lợi mọi mặt của con, từ khi ly thân đến nay cháu G do bà C nuôi dưỡng. Đồng thời, cháu G cũng có nguyện vọng sống cùng với bà C. Vì vậy, để tạo điều kiện trong sinh hoạt và ổn định tâm lý cho cháu, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình là phù hợp.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà C cho rằng bà có khả năng nuôi cháu G nên không yêu cầu ông T cấp dưỡng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và Gia đình là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 229 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 201;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị C đối với bị đơn ông Trần Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Thị C được ly hôn với ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Có 02 con chung. Giao cháu Trần Hoàng G, sinh ngày 02/3/2005 cho bà Phạm Thị C tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 11/11/2003 đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Ông Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người nuôi con.

3. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu. Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006403 ngày 19/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Công nhận bà Phạm Thị C đã nộp và chi xong.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Huỳnh Thị Ánh Đào**

